

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 11 - 2019

V/v tranh chấp “xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Lê Hoàn Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Kim Thùy - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long:** Không tham gia.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Võ Long A, sinh năm 1963.

Địa chỉ số 057 tổ 03, ấp A, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1960. Địa chỉ số 057 tổ 03, ấp A, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Võ Long A trình bày:*

Vào năm 1990 ông và bà Nguyễn Thị Thanh T do quen biết nhau, sau đó có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương; nữ trang cưới gồm 01 đôi

bông tai 01 chỉ vàng 24K; hiện không còn vì vợ chồng thống nhất bán số vàng cưới dùng trong sinh hoạt gia đình. Vợ chồng không có đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng về sống tại ấp A, xã T, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Hoàng Kim A1, sinh ngày 17/3/1993 và Võ Nguyệt Ngân A2, sinh ngày 06/7/1995.

Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2014 là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, gây gổ; chị T không lo quan tâm chăm sóc gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2014 cho đến nay, hiện mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Ông yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Thanh T; Về con chung: Võ Hoàng Kim A1 và Võ Nguyệt Ngân A2 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

*- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Bà thống nhất theo lời trình bày của ông A về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung. Vợ chồng chung sống như vợ chồng năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn được nữa. Nay bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Võ Long A và bà Nguyễn Thị Thanh T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên được giải quyết vắng mặt theo quy định Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Long A và bà Nguyễn Thị Thanh T chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-

BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp có quy định là trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa họ.

[2.2] Về con chung: Ông A và bà T có 02 con chung đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Ông A và bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Võ Long A phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Long A với bà Nguyễn Thị Thu T.

2. Về con chung: Ông A và bà T có 02 con chung đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Ông Võ Long A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Võ Long A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011156 ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân nên được trừ qua.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai vắng mặt các đương sự. Đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND T.Vĩnh Long;
- VKSND H.Bình Tân;
- THADS H.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Dũng**

